

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2025/DSST
Ngày 17-7- 2025
V/v: yêu cầu chia TS chung
và tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Nguyễn – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đình Tư.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Hải Sâm- Thư ký TAND khu vực 3 – Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên toà:
ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T - Sinh năm 1939;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An (Xóm D, xã D, huyện D cũ).

Đại diện theo uỷ quyền của bà Ngô Thị T: Chị Trần Thị H - sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xã Q (xã X, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Q - Sinh năm 1971;

Địa chỉ: Xóm F, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – Vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Nguyên L – sinh năm 1966;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt

- Bà Trần Thị L1 – sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt.

- Bà Trần Thị L2 – sinh năm 1963;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt.

- Ông Trần Nguyên P – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Võ Thị Kim D, sinh năm 1973, địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt;

- Ông Trần Nguyên S – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1981, địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt;

- Bà Nguyễn Thị S1 – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm D, xã Q (xã D, huyện D cũ), tỉnh Nghệ An – có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28/02/2025 và nội dung tại các phiên hòa giải và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn cụ Ngô Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của cụ T trình bày:

Cụ Ngô Thị T và cụ Trần Quốc K là vợ chồng, quá trình chung sống có tạo lập được một thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Hiện tại trên đất có nhà đang do con trai là Trần Nguyên S quản lý, sử dụng.

Vợ chồng cụ T có 06 người con gồm:

1. Bà Trần Thị Q - Sinh năm 1971;
2. Ông Trần Nguyên L – sinh năm 1966;
3. Bà Trần Thị L1 – sinh năm 1968;
4. Bà Trần Thị L2 – sinh năm 1963;
5. Ông Trần Nguyên P – sinh năm 1973;
6. Ông Trần Nguyên S – sinh năm 1975;

Ngày 02/6/2017 cụ Trần Quốc K chết. Trước khi chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của chồng bà để lại là ½ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An).

Sau khi cụ K mất, cuối năm 2024 cụ T tiến hành họp gia đình và các con để phân chia di sản thừa kế mà chồng cụ T để lại, tuy nhiên con gái cụ là Trần Thị Q không đồng ý phân chia di sản thừa kế dẫn đến giữa cụ T và các đồng thừa kế không thể thoả thuận được việc phân chia di sản và phát sinh những bất đồng quan điểm.

Nay cụ T xét thấy sức khỏe đã yếu, để tránh cho các con trong nhà phát sinh thêm những mâu thuẫn không đáng có và đảm bảo quyền lợi của các đồng thừa kế vì vậy cụ T làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng cụ và di sản thừa kế do chồng cụ để lại. Cụ T đề nghị xác định $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là tài sản của cụ, còn lại $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản thừa kế đem chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu các đồng thừa kế nhất trí nhường quyền thừa kế cho cụ thì cụ đề nghị Toà nhập vào khối tài sản chung của cụ để thuận tiện trong quá trình sử dụng sau này. Riêng phần di sản thừa kế của bà Trần Thị Q được hưởng không đủ diện tích để phân chia bằng hiện vật nên nguyện vọng của cụ là được nhận phần đất này và trích tiền tài sản cho bà Q theo quy định.

Về các tài sản trên đất và công sức duy trì, tôn tạo, bảo quản cụ T không yêu cầu phân chia.

Tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị Q vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, bà Trần Thị Quy trình B: Bà hoàn toàn thống nhất lời trình bày của Nguyên đơn về diện và hàng thừa kế, thời gian cụ Trần Quốc K chết và di sản do cụ K để lại, cụ thể là:

Bố, mẹ bà là cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị Thanh S2 được 6 người con gồm:

Bà Trần Thị L2 – sinh năm 1963;

Ông Trần Nguyên L – sinh năm 1966;

Bà Trần Thị L1 – sinh năm 1968;

Bà Trần Thị Q - Sinh năm 1971;

Ông Trần Nguyên P – sinh năm 1973;

Ông Trần Nguyên S – sinh năm 1975;

Ngày 02/6/2017 cụ K chết. Trước khi chết không để lại di chúc. Tài sản chung của cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T là thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² tại xóm D, xã D, huyện D (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An.

Sau khi cụ K mất, cuối năm 2024 mẹ bà là cụ Ngô Thị T tiến hành họp gia đình để phân chia di sản thừa kế mà cụ K để lại, tuy nhiên bà Trần Thị Q không đồng ý phân chia di sản thừa kế với lý do hiện tại cụ T tuổi đã cao, nếu phân chia di sản thì bà Q sợ cụ T không có quyền hành gì trong gia đình, ảnh hưởng đến cuộc sống tuổi già của cụ T, theo ý kiến của bà Q thì bà nhất trí xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất là tài sản của cụ

T, còn lại $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản thừa kế lúc nào cụ T qua đời thì đem chia di sản thừa kế của hai cụ. Nếu theo quy định của pháp luật mà phải phân chia di sản của cụ K thì bà nhường kỷ phần của bà cho ông S. Về các tài sản trên đất bà Q không yêu cầu phân chia.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Trần Nguyên L; bà Trần Thị L1; bà Trần Thị L2; ông Trần Nguyên P; ông Trần Nguyên S đều thống nhất trình bày:

Bố, mẹ các ông, bà là cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị Thanh S2 được 6 người con gồm:

Bà Trần Thị Q - Sinh năm 1971;
Ông Trần Nguyên L – sinh năm 1966;
Bà Trần Thị L1 – sinh năm 1968;
Bà Trần Thị L2 – sinh năm 1963;
Ông Trần Nguyên P – sinh năm 1973;
Ông Trần Nguyên S – sinh năm 1975;

Tài sản chung của cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T là thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T.

Ngày 02/6/2017 cụ K chết. Trước khi chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q).

Sau khi cụ K mất, cuối năm 2024 cụ T và toàn thể anh, chị em trong gia đình đã tiến hành họp gia đình để phân chia di sản thừa kế mà cụ K để lại, tuy nhiên bà Trần Thị Q không đồng ý phân chia di sản thừa kế dẫn đến giữa các đồng thừa kế không thể thoả thuận được việc phân chia di sản và phát sinh những bất đồng quan điểm.

Nay cụ Ngô Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do cụ Trần Quốc K để lại. Các ông, bà thống nhất tài sản chung của cụ Ngô Thị T và cụ Trần Quốc K là thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Các ông, bà đều thống nhất tài sản của cụ T là $\frac{1}{2}$ thửa đất nói trên và đề nghị xác định $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là tài sản của cụ T, còn lại $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản thừa kế đem chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Các đồng

thừa kế nhất trí nhường quyền thừa kế của mình cho cụ Ngô Thị T. Riêng phần di sản thừa kế của bà Trần Thị Q được hưởng không đủ diện tích để phân chia bằng hiện vật nên nguyện vọng của các đồng thừa kế là giao lại cho cụ T và cụ T trích tiền tài sản cho bà Q theo quy định. Nếu bà Quy N lại ký phần của mình cho ông S thì ông S và các đồng thừa kế đều đề nghị giao luôn cho cụ T để thuận lợi trong quá trình sử dụng và định đoạt sau này.

Về các tài sản trên đất cũng như công sức đóng góp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà là vợ của ông Trần Nguyên S, năm 2001 bà và ông S kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với bố, mẹ là cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Quá trình chung sống vợ chồng bà đã xây dựng nhà cửa và các công trình trên đất của hai cụ. Nay cụ T yêu cầu phân chia di sản thừa kế bà đề nghị giải quyết theo pháp luật và nguyện vọng của các đồng thừa kế. Đối với các tài sản trên đất do vợ chồng bà xây dựng thì bà không yêu cầu Tòa giải quyết. Đối với công sức duy trì, tôn tạo, bảo quản tài sản trên thực tế vợ chồng bà cũng đang sống chung với cụ T nên bà không yêu cầu trích chia công sức và cũng không yêu cầu Tòa giải quyết gì về vấn đề này.

Đại diện VKSND khu vực 3 phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân Khu vực 3- Nghệ An đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa tổng đạt nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đề nghị Tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 157, 158, 165, 166 BLTTDS; Điều 33, Điều 65, 66 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 623, 649, 650, 651 BLDS 2015; Điều 100, 179 Luật đất đai 2013; Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Ngô Thị T về việc phân chia tài sản chung với cụ Trần Quốc K và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại.

Xác nhận thửa đất số: 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó: 200 m² đất ở; 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CD 776141; sổ vào sổ cấp GCN: CH 01643 số 1029/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2017 mang tên ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị T là tài sản chung của cụ Ngô Thị T và cụ Trần Quốc K. Chia cho cụ Ngô Thị T được hưởng 295,85 m² (trong đó: 100 m² đất ở; 195,85 m² đất trồng cây lâu năm).

Xác nhận phần di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại là 1/2 diện tích thửa đất số 168 nói trên là 295,85 m² (trong đó: 100 m² đất ở; 195,85 m² đất trồng cây lâu năm).

Chia di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K cho 7 kỳ phần thừa kế, mỗi kỳ phần được hưởng 14,2857 m² đất ở; 27,9786 m² đất trồng cây lâu năm.

Xác nhận ông Trần Nguyên L, Bà Trần Thị L1, Bà Trần Thị L2, người đại diện theo ủy quyền của Trần Nguyên P (bà Võ Thị Kim D); ông Trần Nguyên S đều tự nguyện tặng cho cụ Ngô Thị Thanh kỷ P1 thừa kế mà các ông, bà được hưởng.

Xác nhận kỳ phần thừa kế của bà Trần Thị Quy N lại cho ông Trần Nguyên S; ông Trần Nguyên S tiếp tục nhường lại kỳ phần này cho bà Ngô Thị T.

Về tài sản gắn liền với đất: Hiện nay trên thửa đất của ông Trần Quốc K và bà Ngô Thị T có nhà cửa và các công trình, tài sản gắn liền với thửa đất của vợ chồng ông Trần Nguyên S và bà Nguyễn Thị S1 nhưng không yêu cầu Tòa giải quyết đối với tài sản này nên miễn xem xét.

Đối với công sức đóng góp và tôn tạo di sản thừa kế không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xem xét.

Án phí: - Đối với bà Ngô Thị T là người cao tuổi (86 tuổi); Bà Trần Thị L2 - sinh năm 1963 (62 tuổi) nên được miễn án phí.

- Các đương sự còn lại gồm ông Trần Nguyên L, Bà Trần Thị L1, ông Trần Nguyên P; ông Trần Nguyên S, bà Trần Thị Q phải chịu án phí tương ứng với giá trị

mà họ được hưởng (135.269.643 đồng) tương đương với án phí mà các đương sự mỗi người phải nộp là 6.763.482 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn cụ Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là bất động sản tại **xã Q, tỉnh Nghệ An**. Bị đơn, bà Trần Thị Q có hộ khẩu thường trú tại xã Q, tỉnh Nghệ An, vì vậy Toà án nhân dân khu vực 3 – Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp **lệ bị đơn Trần Thị Q vắng mặt**. Đây là lần vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung tại đơn trình bày, nội dung tại các biên bản hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất trình bày:

Cụ Ngô Thị T và cụ Trần Quốc K là vợ chồng, quá trình chung sống có tạo lập được một thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, nay là xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Hiện tại trên đất có nhà đang do con trai là Trần Nguyên S quản lý, sử dụng, cụ T ở cùng anh S. Các bên đương sự đều thống nhất trình bày và đề nghị Toà xác định ½ thửa đất là tài sản của cụ T, còn lại ½ thửa đất là di sản thừa kế do cụ Trần Quốc K để lại.

Ngày 02/6/2017 cụ K chết. Trước khi chết không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất gồm có:

Cụ Ngô Thị T – sinh năm 1939

Bà Trần Thị Q - Sinh năm 1971;

Ông Trần Nguyên L – sinh năm 1966;

Bà Trần Thị L1 – sinh năm 1968;

Bà Trần Thị L2 – sinh năm 1963;

Ông Trần Nguyên P – sinh năm 1973;

Ông Trần Nguyên S – sinh năm 1975;

Ngoài những người thừa kế nêu trên cụ Trần Quốc K không có con nuôi, con riêng, cha mẹ nuôi hoặc hàng thừa kế khác.

[4]. Về yêu cầu chia tài sản chung của Nguyên đơn:

Cụ Ngô Thị T đề nghị xác định $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T là tài sản của cụ T, còn lại $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản thừa kế do cụ K để lại đem chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế gồm có cụ T và 06 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Theo quy định tại Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 việc các bên đương sự xác định thửa đất là tài sản chung của vợ chồng Cụ K và cụ T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 168; lời khai của các đương sự, hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là xác nhận thửa đất số: 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó: 200 m² đất ở; 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CD 776141; số vào sổ cấp GCN: CH 01643 số 1029/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2017 mang tên cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T là tài sản chung của cụ Ngô Thị T và cụ Trần Quốc K; cụ Ngô Thị T được hưởng $\frac{1}{2}$ thửa đất trên là 295,85 m² (trong đó: 100 m² đất ở; 195,85 m² đất trồng cây lâu năm) là phù hợp theo Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

[5]. Về di sản thừa kế: Các bên đương sự đều hoàn toàn thống nhất: Di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² tại xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, nay thuộc xã Q, tỉnh Nghệ An.

Như vậy, thời gian cụ Trần Quốc K chết, hàng thừa kế; di sản thừa kế do cụ K để lại các bên đương sự đều thống nhất trình bày và thừa nhận, vì vậy theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2025 thì thửa đất số 168 có diện tích 591,7 m² (200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm). Diện tích đo đạc thẩm định hiện trạng sử dụng đúng như diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất, không thừa, không thiếu.

Theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 29/5/2025 thì tổng giá trị thửa đất có giá trị là 1.893.775.000 đồng.

Như vậy, cần xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K, cụ thể là 100 m² đất ở và 195 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 946.887.500 đồng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm 7 người nên đem chia thành 7 kỷ phần bằng nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đều đề nghị được phân chia di sản thừa kế và thống nhất nhường toàn bộ kỷ phần của mình cho cụ Ngô Thị Thanh quản L3, sử dụng. Riêng đối với kỷ phần của bà Trần Thị Q gồm có 14, 285 m² đất ở và 27,978 m² đất trồng cây lâu năm. Tại phiên toà bà Trần Thị Q vắng mặt nhưng quá trình giải quyết tại Toà án bà Q trình bày nếu phải phân chia di sản thì bà nhường kỷ phần của mình cho ông Trần Nguyên S. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Nguyên S trình bày, nếu ông được bà Trần Thị Quy N kỷ phần của bà Q cho ông thì ông cũng nhường luôn cho cụ T để thuận tiện trong quá trình sử dụng. Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Nguyên S là bà Nguyễn Thị S1 cũng trình bày thống nhất như ý kiến của ông Trần Nguyên S.

Xét nguyện vọng của các bên trong việc phân chia kỷ phần thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của bà Q là nhằm mục đích đảm bảo quyền lợi cho cụ T và cụ Ngô Thị T cũng đồng ý nhận toàn bộ các kỷ phần thừa kế do các đồng thừa kế thống nhất nhường lại cho cụ và cụ đề nghị nhập luôn vào khối tài sản chung của cụ là $\frac{1}{2}$ thửa đất nói trên để cụ dễ dàng làm các thủ tục pháp lý khi cần thiết.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của các đồng thừa kế là phù hợp với điều kiện thực tế sử dụng hiện nay của cụ Ngô Thị T, vì vậy cần giao cho cụ Ngô Thị T toàn bộ di sản thừa kế do cụ Trần Quốc K để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 tại xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An (trong đó 100 m² đất ở và 195,85 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017. Nhập với $\frac{1}{2}$ thửa đất là tài sản của cụ Ngô Thị T. Nay giao toàn bộ thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4 với diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 cho cụ Ngô Thị Thanh quản L3, sử dụng.

[6] Đối với các tài sản trên đất các đương sự không yêu cầu Toà giải quyết nên miễn xét.

[7] Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá giá tài sản do nguyên đơn yêu cầu, tại phiên toà Nguyên đơn thoả thuận tự nguyện chịu, Nguyên đơn đã nộp đủ lệ phí.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Cụ Ngô Thị T, bà Trần Thị L2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự. Đối với 5 kỷ phần còn lại của các đồng thừa kế không thuộc diện miễn án phí nên các đồng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỷ phần của mỗi người được phân chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 157, 158, 165, 166 BLTTDS; Điều 33, Điều 65, 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; các Điều 623, 649, 650, 651 BLDS 2015; Điều 100, 179 Luật đất đai 2013; Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Ngô Thị T về việc phân chia tài sản chung với cụ Trần Quốc K và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại.

1.1. Xác nhận thừa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017491, diện tích đất thực tế đo đạc thực tế đúng như diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 591,7 m²(200 m² đất ở, 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) là tài sản chung của cụ Trần Quốc K và cụ Ngô Thị T. Chia cho cụ Ngô Thị T được hưởng 100 m² đất ở và 195,85 m² đất trồng cây lâu năm.

1.2. Xác nhận phần di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K để lại là ½ diện tích thừa đất số 168; tờ bản đồ số 4 (trong đó 100 m² đất ở và 195,85 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017. Trị giá bằng tiền là 946.887.500 (chín trăm bốn mươi sáu triệu tám tám tám bảy nghìn năm trăm đồng).

1.3. Chia di sản thừa kế của cụ Trần Quốc K cho 7 kỹ phần thừa kế gồm: Cụ Ngô Thị T, ông Trần Nguyên L, Bà Trần Thị L1, Bà Trần Thị Q, Bà Trần Thị L2, ông Trần Nguyên P, ông Trần Nguyên S mỗi kỹ phần được hưởng 14,285 m² đất ở và 27,97 m² đất trồng cây lâu năm (mỗi kỹ phần có giá trị bằng tiền là 135.269.643 đồng).

1.4. Ghi nhận, ông Trần Nguyên L, Bà Trần Thị L1, Bà Trần Thị L2, ông Trần Nguyên P đều tự nguyện tặng cho cụ Ngô Thị Thanh kỹ P1 thừa kế mà các ông, bà được hưởng gồm 57,14 m² đất ở và 111,88 m² đất trồng cây lâu năm.

1.5. Ghi nhận bà Trần Thị Q tự nguyện tặng cho ông Trần Nguyên S kỹ phần thừa kế của bà Q gồm 14,285 m² đất ở và 27,97 m² đất trồng cây lâu năm;

1.6. Ghi nhận ông Trần Nguyên S tự nguyện tặng cho cụ Ngô Thị Thanh kỹ P1 thừa kế của ông S và kỹ phần thừa kế của bà Quy T1 cho ông S gồm 28,57 m² đất ở và 55,94 m² đất trồng cây lâu năm.

1.7. Giao cho cụ Ngô Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 168; tờ bản đồ số 4, diện tích 591,7 m² (trong đó 200 m² đất ở và 391,7 m² đất trồng cây lâu năm) tại xóm D, xã Đ, huyện D (cũ) nay là xã Q, tỉnh Nghệ An, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CD 776141 ngày 23/5/2017. Cụ Ngô Thị T được quyền trực tiếp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Ngô Thị T và bà Trần Thị L2.

- Buộc ông Trần Nguyên L, Bà Trần Thị L1, Bà Trần Thị Q, ông Trần Nguyên P, ông Trần Nguyên S mỗi người phải chịu 6.763.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nguyễn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Văn N1